

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|----------------|---|--|---|---------|
| TỔNG SỐ | | | 323,925 | |
| I | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt | | 31,264 | |
| (1) | Huyện Tu Mơ Rông | | 5,178 | |
| 1 | Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở | Trên địa bàn các xã | | |
| 2 | Nước sinh hoạt tập trung khu tái định cư Ba Khen-Long Tro xã Văn Xuôi | Xã Văn Xuôi | | |
| 3 | Nước sinh hoạt tập trung Thôn Long Hy 2 - xã Măng Ri | Xã Măng Ri | | |
| (2) | Huyện Sa Thầy | | 3,740 | |
| 1 | Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất | Các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN | | |
| 2 | Xây dựng giếng khoan, hệ thống cấp nước và hạng mục phụ trợ làng Tang, làng Grập, xã Mô Rai | Xã Mô Rai | | |
| (3) | Huyện Ia H'Drai | | 3,584 | |
| 1 | Hỗ trợ nhà ở | Xã Ia Đal, xã Ia Tơi, Ia Dom | | |
| 2 | Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3 | Xã Ia Đal | | |
| 3 | Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7 | Xã Ia Đal | | |
| 4 | Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Tơi | Xã Ia Tơi | | |
| 5 | Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Tơi | Xã Ia Tơi | | |
| (4) | Huyện Đăk Hà | | 3,037 | |
| 1 | Hỗ trợ đất ở | Các xã trên địa bàn huyện | | |
| 2 | Hỗ trợ nhà ở | Các xã trên địa bàn huyện | | |
| 3 | Hỗ trợ đất sản xuất | Các xã trên địa bàn huyện | | |
| 4 | Nước sinh hoạt tập trung tại các thôn Tua Team, thôn Pa Cheng, xã Đăk Long | Xã Đăk Long | | |
| (5) | Huyện Đăk Tô | | 2,307 | |
| 1 | Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đăk Mơ Ham, xã Pô Kô | Xã Pô Kô | | |
| 2 | Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Măng Rương, xã Văn Lem | Xã Văn Lem | | |
| 3 | Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nhà ở | Các xã, thôn ĐBK | | |
| (6) | Huyện Đăk Glei | | 4,745 | |
| 1 | Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất | Trên địa bàn các xã, thị trấn | | |
| 2 | Sửa chữa nước sinh hoạt tập trung thôn Làng Mới | Xã Mường Hoong | | |
| 3 | Nước sinh hoạt tập trung thôn Kung Rang xã Ngọc Linh | Xã Ngọc Linh | | |
| (7) | Huyện Kon Rẫy | | 2,837 | |
| 1 | Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất | Thôn ĐBK, xã ĐBK | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|-------------|---|-------------------------------|---|---------|
| 2 | Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn 1 xã Đăk Pnê | Xã Đăk Pnê | | |
| 3 | Sửa chữa nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thôn 5+6 xã Đăk Kôi | Xã Đăk Kôi | | |
| (8) | Huyện Kon Plông | | 3,584 | |
| 1 | Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất | Trên địa bàn các xã, thị trấn | | |
| 2 | Nước sinh hoạt thôn Măng KRí và thôn Đăk Pét xã Ngọc Tem | Xã Ngọc Tem | | |
| 3 | Nước sinh hoạt cho thôn Vác Y Nhông xã Đăk Rìng | Xã Đăk Rìng | | |
| (9) | Huyện Ngọc Hồi | | 1,090 | |
| 1 | Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất trên địa bàn thôn Bun Ngai và thôn Giang Lố II | Xã Sa Loong | | |
| 2 | Nước sinh hoạt tập trung xã Đăk Ang | Xã Đăk Ang | | |
| (10) | Thành phố Kon Tum | | 1,162 | |
| 1 | Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất | Các xã trên địa bàn thành phố | | |
| 2 | Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thôn Kon Gu, xã Đăk Blà | Xã Đăk Blà | | |
| II | Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết | | 69,777 | |
| (1) | Huyện Tu Mơ Rông | | 12,567 | |
| 1 | Hỗ trợ làm nhà dự án định canh, định cư tập trung thôn Đăk Kinh 1 xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông | Xã Ngọc Lây | | |
| 2 | Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đăk Hà huyện Tu Mơ Rông | Xã Đăk Hà | | |
| 3 | Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại chỗ xã Đăk Rơ Ông và Đăk Tờ Kan huyện Tu Mơ Rông | Xã Đăk Rơ Ông - Đăk Tờ Kan | | |
| (2) | Huyện Sa Thầy | | 5,781 | |
| 1 | Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ thôn Đăk Wót, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy | Xã Hơ Moong | | |
| (3) | Huyện Ia H'Drai | | 9,031 | |
| 1 | Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai | Xã Ia Tơi | | |
| (4) | Huyện Đăk Hà | | 7,622 | |
| 1 | Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà | Xã Đăk Pxi | | |
| (5) | Huyện Đăk Tô | | 5,387 | |
| 1 | Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Pô Kô | Xã Pô Kô | | |
| (6) | Huyện Đăk Glei | | 14,190 | |
| 1 | Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei | Xã Mường Hoong | | |
| 2 | Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Xốp, huyện Đăk Glei | Xã Xốp | | |
| 3 | Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei | Xã Ngọc Linh | | |
| (7) | Huyện Kon Plông | | 9,813 | |
| 1 | Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đăk Nền, huyện Kon Plông | Xã Đăk Nền | | |
| (8) | Huyện Ngọc Hồi | | 5,386 | |
| 1 | Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi | Xã Sa Loong | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|-------|--|--|---|---------|
| III | Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị | | 6,394 | |
| III.1 | Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý) | | 6,394 | |
| (1) | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | 6,394 | |
| 1 | Cải tạo cơ sở hạ tầng về: điện, nước, nhà xưởng... | Các xã có dược liệu quý tại 02 huyện: Đắk Glei và Tu Mơ Rông | | |
| 2 | Đường giao thông kết nối cấp V miền núi | | | |
| 3 | Cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị. | | | |
| IV | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc | | 143,759 | |
| IV.1 | Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | | 143,759 | |
| (1) | Sở Y tế | | 2,688 | |
| 1 | Cải tạo, sửa chữa 05 Trạm Y tế tại các xã: xã Hiếu, Đắk Ring, Đắk Nền, Đắk Tăng, huyện Kon Plông và xã Đắk Tô Re, huyện Kon Rẫy | Huyện Kon Plông và huyện Kon Rẫy | | |
| (2) | Huyện Tu Mơ Rông | | 25,314 | |
| 1 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Tu Mơ Rông | Xã Tu Mơ Rông | | |
| 2 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Hà | Xã Đắk Hà | | |
| 3 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Văn Xuôi | Xã Văn Xuôi | | |
| 4 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Ngọc Yêu | Xã Ngọc Yêu | | |
| 5 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Ngọc Lây | Xã Ngọc Lây | | |
| 6 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Tê Xăng | Xã Tê Xăng | | |
| 7 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Măng Ri | Xã Măng Ri | | |
| 8 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Tô Kan | Xã Đắk Tô Kan | | |
| 9 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Rơ Ông | Xã Đắk Rơ Ông | | |
| 10 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Sao | Xã Đắk Sao | | |
| 11 | Hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại các thôn trên địa bàn xã Đắk Na | Xã Đắk Na | | |
| (2) | Huyện Sa Thầy | | 17,143 | |
| 1 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường liên xã Sa Bình đi xã Ya Ly | Xã Sa Bình - xã Ya Ly | | |
| 2 | Đường nội thôn Ia Xoăn: Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Thắng đến nhà bà Trần Thị Định | Xã Mô Rai | | |
| 3 | Đường nội thôn Ia Ho: Đoạn từ ngã 3 đường liên thôn đến cầu theo thôn Ia Ho | Xã Mô Rai | | |
| 4 | Đường đi khu sản xuất làng Tang: Đoạn từ Km00+980 đến cầu treo làng Tang | Xã Mô Rai | | |
| 5 | Đường nội thôn Rờ Kơi (Các đoạn: Từ nhà A Biên đến nhà A Oái, từ nhà A Hiền đến nhà A Bluôn, từ nhà ông A Chính đến nhà bà Y Rác) | Xã Rờ Kơi | | |
| 6 | Đường nội thôn Đăk Đe (Đoạn từ nhà ông A Uyên đến nhà ông Gíp) | Xã Rờ Kơi | | |
| 7 | Đường đi khu sản xuất thôn Kram (Đoạn từ đường bê tông (rẫy ông Lăm) đến suối Đăk Blôm 1) | Xã Rờ Kơi | | |
| 8 | Đường nội thôn Rờ Kơi đoạn từ nhà A Thung đến nhà A Ghinh, từ nhà A Kíp đến nhà A Chen | Xã Rờ Kơi | | |
| 9 | Đường đi khu sản xuất suối cam thôn Khúc Na đi xã YaLy | Xã Sa Bình | | |
| 10 | Đường đi khu sản xuất suối Vê thôn Lung Leng - khu sản xuất thôn Khúc Na | Xã Sa Bình | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|------------|---|-----------------------|---|---------|
| 11 | Đường đi khu sản xuất (Đoạn từ nhà ông A Chở vào khu sản xuất) | Xã Ya Ly | | |
| 12 | Xây dựng Trường Mầm Non Chim non (điểm Trường làng Tum). (hạng mục nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ) | Xã Ya Ly | | |
| 13 | Đường đi khu sản xuất (Đoạn nối tiếp từ nhà ông A Mương đến nhà ông A Ly) làng Lung | Xã Ya Xiêr | | |
| 14 | Nâng cấp đường nội thôn 1 và cống đoạn từ ngã ba thôn Thanh Xuân đi xuống hết khu dân cư thôn 1. | Xã Ya Xiêr | | |
| 15 | Đường đi khu sản xuất (đoạn từ Tỉnh lộ 675A đến khu sản xuất) | Xã Ya Xiêr | | |
| 16 | Đường nội thôn làng Điệp Lôk (Đoạn từ nhà A HDĩ đi lòng hồ thủy điện) | Xã Ya Tăng | | |
| 17 | Đường nội thôn làng Tráp (Đoạn từ nhà A Lếu đi lòng hồ thủy điện). | Xã Ya Tăng | | |
| 18 | Đường đi khu sản xuất Tiểu khu 629 (đoạn nối tiếp: Từ rẫy A Tam đến rẫy bà Rơ Châm Hông). | Xã Ya Tăng | | |
| 19 | Trường Trung học cơ sở Phan Đình Phùng. (Hạng mục nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ) | Xã Hơ Moong | | |
| 20 | Đường nội làng Kleng (Các đoạn: Từ nhà A Phúru đến tỉnh lộ 675; từ nhà A Yêl đến tỉnh lộ 675; từ đường A Gió đến đường Urê) | Thị trấn Sa Thầy | | |
| 21 | Đường nội làng Kđừ (Các đoạn: Từ nhà A Thức đến kênh thủy lợi; từ nhà A Tonh đến kênh thủy lợi; từ nhà A Treng đến giọt nước) | Thị trấn Sa Thầy | | |
| 22 | Đường nội làng Chốt (Các đoạn: Từ nhà A Kéch đến nhà A Se; từ nhà A Heoh đến nghĩa địa; từ nhà A Hát đến đường bê tông) | Thị trấn Sa Thầy | | |
| 23 | Đường nội làng Chốt (Đoạn từ nhà A Bên đến nhà A Trưng) | Thị trấn Sa Thầy | | |
| 24 | Đường nội thôn (từ nhà ông Đáp đến nhà ông Dài) | Xã Sa Nghĩa | | |
| (3) | Huyện Ia H'Dai | | 10,628 | |
| 1 | Đường giao thông nông thôn Làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom (Giai đoạn 1) | Xã Ia Dom | | |
| 2 | Điểm trường mầm non tại điểm dân cư số 4 (thôn 3, xã Ia Dom) | Xã Ia Dom | | |
| 3 | Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6) | Xã Ia Đal | | |
| 4 | Đường giao thông nông thôn thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng) | Xã Ia Đal | | |
| 5 | Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hêm (điểm dân cư mới công ty cổ phần cao su Sa Thầy) | Xã Ia Đal | | |
| 6 | Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dơ xã Ia Tơi | Xã Ia Tơi | | |
| 7 | Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom (Đoạn 1: Từ thôn 3 đi thôn Ia Muung, qua xã Ia Dom, dài khoảng 07 Km và Đoạn 2: Từ thôn Chư Hêm đi thôn 6 qua xã Ia Đal, dài khoảng 06 Km) | Xã Ia Dom - Xã Ia Đal | | |
| 8 | Chợ trung tâm xã Ia Đal | Xã Ia Đal | | |
| (4) | Huyện Đăk Hà | | 16,201 | |
| 1 | Đường vào khu sản xuất Đăk Xoa | Xã Đăk Pxi | | |
| 2 | Đường giao thông thôn Kon Đào Yốp đoạn từ nhà ông A Tim đến ông A Phế | Xã Đăk Long | | |
| 3 | Thủy lợi Đăk Phía thôn Kon Teo Đăk Lấp | Xã Đăk Long | | |
| 4 | Đường Giao thông đi khu sản xuất Đăk Ia (Giai đoạn 2) 0,5km | Xã Đăk Long | | |
| 5 | Đường giao thông thôn Kon Sơ Tiu xã Ngọc Réo (Đường tiếp nối từ nhà A Phâng đến nhà Y Linh ra tỉnh lộ 671) | Xã Ngọc Réo | | |
| 6 | Đường giao thông nội thôn Kon Krók xã Ngọc Réo (Đoạn từ nhà bà Y Nhak đến nhà ông A Pút ra đường khu sản xuất) | Xã Ngọc Réo | | |
| 7 | Đường giao thông thôn Kon Rôn (Đoạn từ nhà ông U Breo đến nhà ông U Dát) | Xã Ngọc Réo | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|------------|---|-------------------------|---|---------|
| 8 | Đường giao thông thôn Kon Hơ Drế (Đoạn từ cuối đường liên thôn ra đường đi khu sản xuất Đăk Joang) | Xã Ngọc Réo | | |
| 9 | Đường giao thông thôn Kon Bơ Băn (Đoạn từ nhà A Seo đến nhà A Trung) | Xã Ngọc Réo | | |
| 10 | Đường giao thông thôn Kon Sơ Tiu xã Ngọc Réo (Đoạn từ TL 671 đến cầu Đăk Pe) | Xã Ngọc Réo | | |
| 11 | Đường giao thông Kon Rôn xã Ngọc Réo (Đường từ nhà ông U Điếu đến nhà U Dát) | Xã Ngọc Réo | | |
| 12 | Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Duông, xã Ngọc Wang (nối tiếp đoạn đường bê tông hướng đi khu thao trường bản huyện) - (Giai đoạn 1) | Xã Ngọc Wang | | |
| 13 | Đường đi khu sản xuất thôn Kon Sơ Ri, xã Ngọc Wang (đoạn từ nhà ông Nguyễn Thọ Kỳ đến nhà ông A Mãi) - (Giai đoạn 1) | Xã Ngọc Wang | | |
| 14 | Đường đi khu sản xuất thôn Kon Stiư II, xã Ngọc Wang (đoạn từ tỉnh lộ 671 đi khu sản xuất); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường - (Giai đoạn 1) | Xã Ngọc Wang | | |
| 15 | Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngọc Wang (đoạn từ đường đi đập Đăk Trít đến rẫy hộ ông Trần Văn Trinh) - Giai đoạn 1 | Xã Ngọc Wang | | |
| 16 | Đường đi khu sản xuất thôn Kon Gu I, xã Ngọc Wang (đoạn giáp đường liên xã (gần hồ Đăk Loh) qua đoạn rẫy ông Hồ Tấn Đông) - (Giai đoạn 1) | Xã Ngọc Wang | | |
| 17 | Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ngọc Wang (đoạn từ tỉnh lộ 671 đến rẫy hộ ông Chế Liên) - (Giai đoạn 1) | Xã Ngọc Wang | | |
| 18 | Đường đi khu sản xuất thôn Kon Brông; (đoạn từ cầu bê tông đi khu sản xuất eo 3); Hạng mục: Bê tông xi măng mặt đường (giai đoạn 1) - (Giai đoạn 1) | Xã Ngọc Wang | | |
| 19 | Sửa chữa trụ sở xã Đăk Hring; Hạng mục: Cổng, tường rào, sân bê tông | Xã Đăk Hring | | |
| 20 | Xây mới Nhà rông văn hóa thôn Turia Pêng, xã Đăk Hring | Xã Đăk Hring | | |
| 21 | Xây mới Nhà rông văn hóa thôn Đăk Kang Yôp, xã Đăk Hring | Xã Đăk Hring | | |
| 22 | Điểm trường Tiểu học tại thôn Turia Pêng, xã Đăk Hring; Hạng mục: Cổng, tường rào khuôn viên | Xã Đăk Hring | | |
| 23 | Đường nội bộ thôn Mnhuô Mriang (Tuyến số 1) | Xã Đăk Ui | | |
| 24 | Đường nội bộ thôn Mnhuô Mriang (Tuyến số 2) | Xã Đăk Ui | | |
| 25 | Đường đi khu sản xuất thôn Kon Pông | Xã Đăk Ui | | |
| 26 | Đường đi khu sản xuất Đăk Po thôn Kon Rngâng | Xã Đăk Ui | | |
| 27 | Xây dựng cổng tường rào; bê tông sân trường: điểm trường mầm non thôn Kon Tu | Xã Đăk Ui | | |
| 28 | Đường đi khu sản xuất thôn 8 | Xã Đăk La | | |
| 29 | Đường đi khu sản xuất thôn 10 | Xã Đăk La | | |
| 30 | Đường giao thông nông thôn từ thôn Đăk Kđem đi khu sản xuất (suối vàng) giai đoạn 1 | Xã Đăk Ngọc | | |
| 31 | Đường giao thông nông thôn Thôn Long Loi đi nhóm 5 (giai đoạn 1) | Thị trấn Đăk Hà | | |
| 32 | Nâng cấp tuyến đường liên xã Ngọc Wang đi xã Ngọc Réo | Xã Ngọc Wang - Ngọc Réo | | |
| 33 | Nâng cấp tuyến đường liên xã Ngọc Wang đi xã Đăk La | xã Ngọc Wang- Đăk La | | |
| 34 | Cải tạo, nâng cấp chợ xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà | Xã Đăk Hring | | |
| (5) | Huyện Đăk Tô | | 13,929 | |
| 1 | Đường ĐH 55 (đường Đăk Mốt - Kon Tu Pêng) | Xã Tân Cảnh và Pô Kô | | |
| 2 | Cải tạo, sửa chữa chợ Đăk Trăm | Xã Đăk Trăm | | |
| 3 | Đường đi khu sản xuất trại bò thôn Kon Tu Pêng, xã Pô Kô | Xã Pô Kô | | |
| 4 | Ngầm qua suối Đăk Na thôn Kon Tu Dớp I, xã Pô Kô | Xã Pô Kô | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|------------|--|-----------------------|---|---------|
| 5 | Đường giao thông nông thôn Đăk Rao Nhỏ, xã Pô Kô (Đoạn từ nhà ông Chung đến nhà ông A Vong) | Xã Pô Kô | | |
| 6 | Đường đi khu sản xuất thôn Tê Rông (Đoạn từ cà phê Y Tý đến rẫy ông Lâm) | Xã Văn Lem | | |
| 7 | Đường đi khu sản xuất thôn Tê Pên (Đoạn từ ĐH 51 đến rẫy ông A Minh) | Xã Văn Lem | | |
| 8 | Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Xanh (Đoạn từ ĐH 51 đến rẫy ông A Lu) | Xã Văn Lem | | |
| 9 | Đường đi khu sản xuất thôn Tê rông (đoạn từ nhà Y Một đến khu quy hoạch trồng được liệu) | Xã Văn Lem | | |
| 10 | Đường đi khu sản xuất thôn Măng Rương (đoạn từ ĐH 51 đến nhà ông A Binh) | Xã Văn Lem | | |
| 11 | Đường đi khu dân cư thôn Đăk Rô (từ nhà A Đẹp đến hết khu dân cư), xã Đăk Trăm; Hạng mục: Nền, mặt đường và rãnh thoát nước | Xã Đăk Trăm | | |
| 12 | Đường đi khu sản xuất các thôn Đăk Trăm, Tê Pên, Tê Pheo (từ ngàm Đăk Plô đến đập thủy lợi Tea Hao, đến cầu treo Đăk Rô Gia 2) xã Đăk Trăm; Hạng mục: Cổng tràn và đường hai đầu cổng tràn | Xã Đăk Trăm | | |
| 13 | Đường đi khu dân cư Đăk Rô Gia (Đoạn từ nhà Ông Feng đến cầu treo rô gia 2); | Xã Đăk Trăm | | |
| 14 | Đường nội thôn Đăk Mông (Đoạn từ nhà nguyên qua nghĩa địa thôn) | Xã Đăk Trăm | | |
| 15 | Trường Mầm non xã Ngọc Tụ (Điểm trường trung tâm) | Xã Ngọc Tụ | | |
| 16 | Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Nu (đoạn từ ĐH 53 đến rẫy ông A Lương) | Xã Ngọc Tụ | | |
| 17 | Ngàm Đăk Le, thôn Đăk Chờ (Cổng thoát nước và hai đầu đường) | Xã Ngọc Tụ | | |
| 18 | Bê tông hóa đường nội thôn Đăk No (đoạn từ nhà ông Lê Văn Eng đến nhà ông Lê Văn Giai) | Xã Ngọc Tụ | | |
| 19 | Đường ra khu sản xuất Đăk Kon (từ nghĩa địa thôn Đăk Pung đến đất ông A Gusk) | Xã Đăk Rơ Nga | | |
| 20 | Đường giao thông nông thôn Đăk Dé (từ đoạn nhà Y Khuya đến nhà ông A Tạo) | Xã Đăk Rơ Nga | | |
| 21 | Đường đi khu sản xuất Te Peh, Đăk Mạnh II | Xã Đăk Rơ Nga | | |
| 22 | Đường nội thôn Kon Đào (đoạn nhà A Phê đến nhà A Ving) | Xã Kon Đào | | |
| 23 | Đường đi sản xuất thôn Kon Đào (đoạn ngàm đá) | Xã Kon Đào | | |
| 24 | Sửa chữa nhà rông thôn Kon Đào | Xã Kon Đào | | |
| (6) | Huyện Đăk Gleï | | 22,582 | |
| 1 | Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ huyện Đăk Gleï đi xã Xốp (đoạn ĐH83 từ ngã ba xã Đăk Choong đi xã Xốp) | Xã Đăk Choong- Xã Xốp | | |
| 2 | Sửa chữa, cải tạo chợ Đăk Pék | Xã Đăk Pék | | |
| 3 | Đường đi khu sản xuất thôn Pên Lang, xã Đăk Plô (Đoạn từ nhà A Sỹ đến ruộng A Nâu) | Xã Đăk Plô | | |
| 4 | Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Đăk Dót thôn Đăk Book, xã Đăk Plô | Xã Đăk Plô | | |
| 5 | Đường từ nhà A Thủy đi khu sản xuất thôn Đăk Ré | Xã Mường Hoong | | |
| 6 | Thủy lợi Đăk Xay thôn Xa Úa | Xã Mường Hoong | | |
| 7 | Thủy Lợi Đăk Kôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh | Xã Ngọc Linh | | |
| 8 | Thủy Lợi Chiếc Tuôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh | Xã Ngọc Linh | | |
| 9 | Đường giao thông nông thôn thôn Kung Rang, xã Ngọc Linh | Xã Ngọc Linh | | |
| 10 | Sửa chữa đường từ trung tâm xã đi thôn Ngọc Súc | xã Ngọc Linh | | |
| 11 | Cầu tràn suối Đăk Nol thôn Đăk Xi Na xã Xốp | Xã Xốp | | |
| 12 | Đường đi khu sản xuất Đăk Rang thôn Xốp Dùi xã Xốp | Xã Xốp | | |
| 13 | Đường đi khu sản xuất từ nhà bà Chiến đến ruộng Huyện đội | Thị trấn Đăk Gleï | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|------------|--|--|---|---------|
| 14 | Đường đi sản xuất Đăk Trum thôn Vai Trang | Xã Đăk Long | | |
| 15 | Đường đi sản xuất Đăk Bang nối dài thôn Đăk Xây | Xã Đăk Long | | |
| 16 | Tu sửa thủy lợi Đăk Nha thôn Dục Lang | Xã Đăk Long | | |
| 17 | Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội thôn nhóm 3 thôn Đăk Ung, xã Đăk Nhoong | Xã Đăk Nhoong | | |
| 18 | Sửa chữa, nâng cấp đường dân sinh đoạn từ ngã ba cầu BTCT Đăk Roi đi thôn Đăk Ga | Xã Đăk Nhoong | | |
| 19 | Làm mới đường đi khu sản xuất Đak Cho 2 thôn Đăk Nhoong | Xã Đăk Nhoong | | |
| 20 | Đường giao thông nông thôn từ cầu treo đi khu sản xuất Pêng Bai thôn Đăk Bo | Xã Đăk Kroong | | |
| 21 | Đường giao thông nông thôn đi khu sản xuất Đăk Pók thôn Đăk Gò nối dài | Xã Đăk Kroong | | |
| 22 | Sửa chữa Công trình thủy lợi Đăk Cho thôn Măng Khên | Xã Đăk Man | | |
| 23 | Sửa chữa đường giao thông nông thôn từ nhà A Chả đến nhà A Vòng | Xã Đăk Man | | |
| 24 | Sửa chữa điểm trường thôn Đăk Nớ | Xã Đăk Pek | | |
| 25 | Đường nội thôn thôn Mô Mam | Xã Đăk Choong | | |
| 26 | Kiên cố hóa hệ thống kênh mương thủy lợi Đăk Cối - Đăk Ca Năng thôn Kon Brôi - La Lua | Xã Đăk Choong | | |
| 27 | Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Mi | Xã Đăk Choong | | |
| (7) | Huyện Kon Rẫy | | 14,452 | |
| 1 | Nâng cấp tuyến liên xã từ thị trấn Đăk Rve đi xã Tân Lập, Đăk Ruồng (khu dân cư phía nam) | Thị trấn Đăk Rve, xã Tân Lập, xã Đăk Ruồng | | |
| 2 | Đường đi khu sản xuất thôn Đak Jri xã Đăk Tơ Re | Xã Đăk Tơ Re | | |
| 3 | Đường đi khu sản xuất thôn Trắng Nó - Kon Blo xã Đăk Kôi | Xã Đăk Kôi | | |
| 4 | Đường nội thôn 1, thị trấn Đăk Rve | Thị trấn Đăk Rve | | |
| 5 | Đường giao thông nông thôn đoạn từ đường DH 22 đi khu sản xuất Đăk Nâm (đoạn nối tiếp), xã Đăk Pnê | Xã Đăk Pnê | | |
| 6 | Đường đi khu sản xuất nước Nhê thôn Kon Lỗ (nối dài), xã Đăk Tơ Lung | Xã Đăk Tơ Lung | | |
| 7 | Đường đi khu sản xuất tập trung thôn Kon Long, xã Đăk Tơ Lung | Xã Đăk Tơ Lung | | |
| 8 | Đường đi khu sản xuất nước muối thôn Kon Bì (nhánh 2), xã Đăk Tơ Lung | Xã Đăk Tơ Lung | | |
| 9 | Đường đi khu sản xuất Đăk Tơ Lung thôn Kon Mong Tu (nối tiếp), xã Đăk Tơ Lung | Xã Đăk Tơ Lung | | |
| 10 | Đường đi khu sản xuất thôn 5 xã Tân Lập (tuyến đập Đăk Rơ nối tiếp) | Xã Tân Lập | | |
| 11 | Đường liên xã đến khu sản xuất thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà bà Mùi đến nhà bà Chi) | Xã Tân Lập | | |
| 12 | Đường đi khu sản xuất thôn 11 xã Đăk Ruồng | Xã Đăk Ruồng | | |
| 13 | Đường đi khu sản xuất thôn 10 xã Đăk Ruồng (đoạn nối tiếp) | Xã Đăk Ruồng | | |
| (8) | Huyện Kon Plông | | 14,251 | |
| 1 | Nước sinh hoạt làng Ngọc Na thôn Đăk Lúp | Xã Đăk Nên | | |
| 2 | Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt thôn Xô Thák 1, Xô Thák 2 | Xã Đăk Nên | | |
| 3 | Nước sinh hoạt thôn Đăk Chờ | Xã Đăk Rìng | | |
| 4 | Thủy lợi Nước Niêu thôn Đăk Da | Xã Đăk Rìng | | |
| 5 | Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn thôn Điek Chè | Xã Ngọc Tem | | |
| 6 | Nâng cấp nước sinh hoạt thôn Điek Chè | Xã Ngọc Tem | | |
| 7 | Khu thể thao trung tâm xã | Xã Ngọc Tem | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|-------------|--|---------------------|---|---------|
| 8 | Giếng nước sinh hoạt tại các thôn (giếng khoan) | 09/09 thôn, xã Hiếu | | |
| 9 | Đường đi khu sản xuất nước K thôn Vi Rìng | Xã Đăk Tăng | | |
| 10 | Cầu treo đi khu sản xuất Nước Dắt | Xã Măng Bút | | |
| 11 | Nước sinh hoạt thôn Tu Nông làng 1 | Xã Măng Bút | | |
| 12 | Đường đi khu sản xuất Kon Chốt | Thị trấn Măng Đen | | |
| 13 | Nước sinh hoạt thôn Kon Du | Xã Măng Cành | | |
| 14 | Thủy lợi Ri Ka Ma thôn Măng Cành | Xã Măng Cành | | |
| (9) | Huyện Ngọc Hồi | | 3,800 | |
| 1 | Nâng cấp, cải tạo Chợ Pờ Y, xã Pờ Y | Xã Pờ y | | |
| 2 | Đường vào khu trung tâm xã Đăk Ang | Xã Đăk Ang | | |
| 3 | Đường vào khu sản xuất thôn Đăk Sút | Xã Đăk Ang | | |
| 4 | Nâng cấp sửa chữa đường ĐH 80 (điểm đầu TT xã Đăk Ang, điểm cuối thôn Ja Tun) | Xã Đăk Ang | | |
| 5 | Đường vào khu sản xuất thôn Giang Lố 2 | xã Sa Loong | | |
| (10) | Thành Phố Kon Tum | | 2,771 | |
| 1 | Sửa chữa, hàng rào nhà rông văn hóa thôn | Xã Hoà Bình | | |
| 2 | Đường bê tông từ cổng chào đến đường tránh | Xã Hoà Bình | | |
| 3 | Công trình: Điểm trường mầm non thôn Konhrakotu, xã Chư Hreng; hạng mục: Cổng và hàng rào | Xã ChưHreng | | |
| 4 | Đường giao thông nông thôn thôn Kon Jri Xút, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum (Đoạn từ Quốc lộ 24 đến Cầu Trần) | Xã Đăk Blà | | |
| 5 | Đường giao thông nông thôn thôn Kon Rơ Lang, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum (Đoạn từ Nhà rông đến nhà ông Đinh Hùng) | Xã Đăk Blà | | |
| 6 | Đường giao thông nông thôn thôn Kon Jơ Dreh Plơng , xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum. Hạng mục Mương thoát nước (Đoạn nhà ông A Khoăn đến Suối) | Xã Đăk Blà | | |
| 7 | Trường Mầm non Nắng Hồng xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum; Hạng mục Điểm trường thôn Kon Gur Nhà học 01 phòng và các hạng mục phụ trợ | Xã Đăk Blà | | |
| 8 | Công trình: Điểm trường mầm non thôn Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa; hạng mục: Cổng và hàng rào | Xã Đăk Rơ Wa | | |
| 9 | Đường nội đồng Thôn Plei Trum - Đăk Choăk | Phường Ngô Mây | | |
| 10 | Đường trục thôn Kroong Klah (Từ Cổng chào thôn Kroong Klah đến Nhà rông Kroong Klah) | Xã Kroong | | |
| 11 | Đường trục thôn Kroong Ktu (Từ Nhà A Liuh đến Nhà A Khoan) | Xã Kroong | | |
| V | Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực | | 47,814 | |
| V.1 | Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số | | 47,814 | |
| (1) | Sở Giáo dục và Đào tạo | | 20,464 | |
| 1 | Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Tu Mơ Rông | Huyện Tu Mơ Rông | | |
| 2 | Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Sa Thầy | Huyện Sa Thầy | | |
| 3 | Bổ sung cơ sở vật chất Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Kon Plông | Huyện Kon Plông | | |
| (2) | Huyện Tu Mơ Rông | | 8,677 | |
| 1 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Đăk Na | Xã Đăk Na | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|-------------|--|---|---|---------|
| 2 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Đăk Sao | Xã Đăk Sao | | |
| 3 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọc Lây | Xã Ngọc Lây | | |
| 4 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học xã Đăk Hà | Xã Đăk Hà | | |
| 5 | Trường Trung học cơ sở Bán trú Dân tộc thiểu số Tu Mơ Rông | Xã Đăk Hà | | |
| 6 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Đăk Sao | Xã Đăk Sao | | |
| 7 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọc Yêu | Xã Ngọc Yêu | | |
| 8 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học xã Đăk Na | Xã Đăk Na | | |
| 9 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ngọc Lây | Xã Ngọc Lây | | |
| 10 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học - Trung học cơ sở xã Măng Ry | Xã Măng Ri | | |
| 11 | Trường Tiểu học xã Đăk Hà | Xã Đăk Hà | | |
| (3) | Huyện Sa Thầy | | 544 | |
| 1 | Trường Tiểu học - Trung học cơ sở xã Ya Ly (Điểm trường trung tâm). Hạng mục: 02 phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ | Xã Ya Ly | | |
| (4) | Huyện Ia H'Drai | | 3,193 | |
| 1 | Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành | Xã Ia Tơi | | |
| 2 | Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Hùng Vương | Xã Ia Đal | | |
| (5) | Huyện Đăk Hà | | 1,673 | |
| 1 | Nâng cấp, bổ sung phòng học, phòng bộ môn các Trường Phổ thông dân tộc bán trú | Xã Đăk Pxi, xã Đăk Long, xã Ngọc Réo | | |
| (6) | Huyện Đăk Tô | | 2,776 | |
| 1 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Đăk Rơ Nga | Xã Đăk Rơ Nga | | |
| (7) | Huyện Đăk Glei | | 5,199 | |
| 1 | Công trình Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Mường Hoong | Xã Mường Hoong | | |
| 2 | Công trình Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở xã Ngọc Linh | Xã Ngọc Linh | | |
| (8) | Huyện Kon Rẫy | | 1,844 | |
| 1 | Phòng ở cho học sinh bán trú tại trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Đăk Kôi | Xã Đăk Kôi | | |
| 2 | Phòng ở cho học sinh bán trú tại trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Đăk Pnê | Xã Đăk Pnê | | |
| 3 | Công trình vệ sinh nước sạch tại trường Tiểu học Kapakơlong | Xã Đăk Tờ Re | | |
| 4 | Công trình sân chơi, bãi tập trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Đăk Pnê | Xã Đăk Pnê | | |
| (9) | Huyện Kon Plông | | 2,336 | |
| 1 | Trường Phổ thông dân tộc bán trú Cấp 1, 2 Măng Bút 1; Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học các xã: Đăk Nền; Ngọc Tem; Đăk Ring. | Xã: Măng Bút, Đăk Nền, Ngọc Tem, Đăk Ring | | |
| (10) | Huyện Ngọc Hồi | | 1,108 | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Ngô Quyền | Xã Đăk Ang | | |
| VI | Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch | | 13,326 | |
| (1) | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | 4,664 | |
| 1 | Dự án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của người Gia Rai, làng Bar Gốc, xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum | Xã Sa Sơn, huyện Sa Thầy | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|-------------|---|--|---|---------|
| (2) | Huyện Tu Mơ Rông | | 1,315 | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Ba Khen, xã Văn Xuôi | Xã Văn Xuôi | | |
| 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Pu Tá, xã Măng Ri | Xã Măng Ri | | |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Long Láy, xã Măng Ri | Xã Măng Ri | | |
| 4 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Đăk Viên, xã Tê Xăng | Xã Tê Xăng | | |
| 5 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Kạch Nhỏ, xã Đăk Sao | Xã Đăk Sao | | |
| 6 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Tu Mơ Rông, xã Tu Mơ Rông | Xã Tu Mơ Rông | | |
| 7 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Lộc Bông, xã Ngọc Lây | Xã Ngọc Lây | | |
| 8 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Đăk Kinh 1, xã Ngọc Lây | Xã Ngọc Lây | | |
| 9 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao thôn Mô Bành, xã Đăk Rơ Ông | Xã Đăk Rơ Ông | | |
| (3) | Huyện Sa Thầy | | 321 | |
| 1 | Sửa chữa thiết chế nhà Văn hóa thôn Đăk Wot Yốp | Xã Hơ Moong | | |
| 2 | Sửa chữa thiết chế nhà Văn hóa làng Diệp Lok | Xã Ya Tăng | | |
| (4) | Huyện Ia H'Drai | | 88 | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (xây dựng mới và cải tạo nhà văn hóa, khu thể thao) | Xã Ia Đal | | |
| (5) | Huyện Đăk Hà | | 321 | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng dân tộc thiểu số | Các thôn DTTS trên địa bàn huyện | | |
| (6) | Huyện Đăk Tô | | 365 | |
| 1 | Khu thể thao Thôn Đăk Mạnh II, xã Đăk Rơ Nga | Xã Đăk Rơ Nga | | |
| 2 | Khu thể thao Thôn Kon Hring, xã Ngọc Tụ | Xã Ngọc Tụ | | |
| 3 | Khu thể thao Thôn Đăk Mơ Ham, Xã Pô Kô | Xã Pô Kô | | |
| (7) | Huyện Đăk Glei | | 1,315 | |
| 1 | Tu bổ, tôn tạo di tích Ngục Đăk Glei | Xã Đăk Choong | | |
| (8) | Huyện Kon Rẫy | | 307 | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 điểm du lịch tiêu biểu: Làng Kon Brăp Du - Thôn 5, xã Tân Lập | Xã Tân Lập | | |
| 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn đặc biệt khó khăn | Các xã ĐBKK, thị trấn, thôn ĐBKK | | |
| (9) | Huyện Kon Plông | | 2,118 | |
| 1 | Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn Kon PRing | Thị trấn Măng Đen | | |
| 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | Các xã, thị trấn: Măng Đen, Ngọc Tem, Hiếu, Đăk Tăng, Măng Cành, Măng Bút, Đăk Nền, Đăk Ring | | |
| (10) | Huyện Ngọc Hồi | | 1,212 | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Đăk Ang | Xã Đăk Ang | | |
| 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Đăk Dục | Xã Đăk Dục | | |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Đăk Nông | Xã Đăk Nông | | |
| 4 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Đăk Xú | Xã Đăk Ang | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|---------------|---|---------------------------|---|---------|
| 5 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Đăk Kan | Xã Đăk Kan | | |
| 6 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Pờ Y | Xã Pờ Y | | |
| 7 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao xã Sa Loong | Xã Sa Loong | | |
| 8 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa thể thao thị trấn Plei Kần | Thị trấn Plei Kần | | |
| 9 | Tu bổ, tôn tạo khu di tích chiến thắng Đăk Siêng, thôn Đăk Răng, xã Đăk Dục | Xã Đăk Dục | | |
| 10 | Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch thôn Đăk Răng, xã Đăk Dục | Xã Đăk Dục | | |
| (11) | Thành phố Kon Tum | | 1,300 | |
| 1 | Dự án đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu thôn Kon Hra Ktu, xã Chư Hreng | Xã Chư Hreng | | |
| 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Plei Trum Đăk Choăch | Phường Ngô Mây | | |
| 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Đăk Răk | Xã Hoà Bình | | |
| 4 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kon Hra Ktu | Xã Chư Hreng | | |
| 5 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại xã Đăk Blà | Xã Đăk Blà | | |
| 6 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kroong Ktu | Xã Kroong | | |
| 7 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kroong Klah | Xã Kroong | | |
| 8 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kon Kơ Tu | Xã Đăk Rơ Wa | | |
| 9 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn Kon Tum Kơ Nâm | Xã Đăk Rơ Wa | | |
| 10 | Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số | Thành phố Kon Tum | | |
| VII | Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em | | 5,397 | |
| (1) | Sở Y tế | | 5,397 | |
| 1 | Đầu tư cải tạo, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Kon Plông | Huyện Kon Plông | | |
| VIII | Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn | | 1,785 | |
| VIII.1 | Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù | | 1,785 | |
| (1) | Ban Dân tộc tỉnh | | 1,785 | |
| 1 | Dự án xây dựng các công trình thực hiện đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người gồm: (1) Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo đường nội thôn Làng Le; (2) Nâng cấp, sửa chữa Nhà rông văn hóa Làng Le | Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy | | |
| IX | Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình | | 4,409 | |
| IX.1 | Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | | 4,409 | |
| (1) | Sở Thông tin và Truyền thông | | 661 | |
| 1 | Hỗ trợ xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại các xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự | | | |
| (2) | Liên minh Hợp tác xã tỉnh | | 441 | |
| 1 | Hỗ trợ, thiết lập ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | | | |
| (3) | Huyện Tu Mơ Rông | | 691 | |
| 1 | Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự | các xã trên địa bàn huyện | | |

| TT | Danh mục dự án/công trình | Địa điểm xây dựng | Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW năm 2022 (*) | Ghi chú |
|-------------|--|----------------------------------|---|---------|
| (4) | Huyện Sa Thầy | | 444 | |
| 1 | Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự | Xã Hơ Moong | | |
| 2 | Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự | Xã Mô Rai | | |
| (5) | Huyện Ia H'Drai | | 188 | |
| 1 | Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự | Xã Ia Đal | | |
| (6) | Huyện Đăk Hà | | 323 | |
| 1 | Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, phát triển kinh tế - xã hội | Trên địa bàn huyện | | |
| (7) | Huyện Đăk Tô | | 315 | |
| 1 | Hỗ trợ xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội | Các xã, thôn ĐBKK | | |
| (8) | Huyện Đăk Glei | | 629 | |
| 1 | Ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự | các xã, thị trấn | | |
| (9) | Huyện Kon Rẫy | | 260 | |
| 1 | Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân xã | Các xã ĐBKK, thị trấn, thôn ĐBKK | | |
| (10) | Huyện Kon Plông | | 380 | |
| 1 | Chuyển đổi số; hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự. | Các xã, thôn ĐBKK | | |
| (11) | Huyện Ngọc Hồi | | 65 | |
| 1 | Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Đăk Ang và 02 thôn (Giang Lố II và thôn Bun Ngai) xã Sa Loong | Xã Sa Loong | | |
| (12) | Thành phố Kon Tum | | 12 | |
| 1 | Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, phát triển kinh tế - xã hội | Các xã, phường có thôn ĐBKK | | |

Ghi chú: (*) Các địa phương chủ động đối ứng, lồng ghép, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư hoàn thành dự án.